

Công ty Cổ phần Dược phẩm Nam Hà

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023



Công ty Cổ phần Dược phẩm Nam Hà

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng	6 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	12 - 42

Công ty Cổ phần Dược phẩm Nam Hà

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dược phẩm Nam Hà (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập từ việc chuyển đổi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 2199/1999/QĐ-UB ngày 29 tháng 12 năm 1999 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Nam Định và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0600206147 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định cấp lần đầu vào ngày 28 tháng 8 năm 2000. Công ty cũng nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 21 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Nam Định cấp ngày 8 tháng 5 năm 2023.

Hoạt động kinh doanh chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu (bao gồm: thuốc tân dược chữa bệnh cho người, thuốc đông dược, các loại thuốc dược phẩm khác, sản xuất vaccin, sinh phẩm y tế, chế phẩm sinh học); bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế (bao gồm: thuốc tân dược chữa bệnh cho người, thuốc đông dược, hóa chất, dược liệu, tinh dầu, vaccin, sinh phẩm, mỹ phẩm, máy móc, trang thiết bị và dụng cụ y tế).

Công ty có trụ sở chính tại số 415 đường Hàn Thuyên, phường Vị Xuyên, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định và 6 chi nhánh hạch toán phụ thuộc tại các tỉnh và thành phố tại Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Hà Linh	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2023
Bà Phạm Thị Hạnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2023
	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2023
Ông Hà Thanh Thủy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2023
Bà Đinh Thị Khánh Ly	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2023
Ông Nguyễn Đắc Trường	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2023
Ông Trần Sơn Hải	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2023
Ông Nguyễn Việt Phương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2023
Ông Nguyễn Tom Thanh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2023
Ông Nguyễn Trung Kiên	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2023

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Hà Thanh Thủy	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 8 tháng 5 năm 2023
Ông Hà Linh	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 8 tháng 5 năm 2023

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Vũ Thị Minh Thu	Trưởng Ban	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2023
Bà Đoàn Thị Thanh Huyền	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2023
Ông Phạm Minh Sơn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2023
Ông Ngô Đức Tâm	Trưởng Ban	Miễn nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2023
Bà Phạm Thanh Huyền	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2023
Ông Nguyễn Anh Khoa	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2023

Công ty Cổ phần Dược phẩm Nam Hà

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Hà Linh, Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Nam Hà

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm Nam Hà ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đề ngày 10 tháng 5 năm 2024.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc: 



Hà Thanh Thủy
Tổng Giám đốc

Nam Định, Việt Nam

Ngày 10 tháng 5 năm 2024

Số tham chiếu: 12916698/66917754

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Dược phẩm Nam Hà

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Dược phẩm Nam Hà (“Công ty”) được lập ngày 10 tháng 5 năm 2024 và được trình bày từ trang 6 đến trang 42, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội



Phùng Mạnh Phú
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2598-2023-004-1

Đào Văn Thích
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 3732-2021-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 11 tháng 5 năm 2024



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		561.057.176.182	677.483.798.154
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	74.911.020.485	121.855.432.786
111	1. Tiền		29.911.020.485	71.855.432.786
112	2. Các khoản tương đương tiền		45.000.000.000	50.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		19.649.583.287	2.500.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	19.649.583.287	2.500.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		267.162.971.097	225.166.740.029
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	221.586.001.614	172.222.900.084
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	23.555.101.671	26.778.490.519
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	16.015.000.000	26.015.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	8.312.603.210	3.355.224.157
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6.1	(2.305.735.398)	(3.204.874.731)
140	IV. Hàng tồn kho	9	193.201.204.307	322.441.612.110
141	1. Hàng tồn kho		216.329.551.711	329.335.878.159
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(23.128.347.404)	(6.894.266.049)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		6.132.397.006	5.520.013.229
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	1.922.239.553	2.143.334.415
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	16	2.289.249.504	3.286.919.466
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	1.920.907.949	89.759.348

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		350.970.534.537	333.802.014.094
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		21.547.480	110.347.480
216	1. Phải thu dài hạn khác		21.547.480	110.347.480
220	II. Tài sản cố định		312.116.653.234	304.062.134.837
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	261.304.110.261	249.916.562.073
222	Nguyên giá		599.584.824.721	561.125.604.236
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(338.280.714.460)	(311.209.042.163)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	50.812.542.973	54.145.572.764
228	Nguyên giá		57.024.308.260	56.431.532.260
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(6.211.765.287)	(2.285.959.496)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		20.916.133.448	18.898.245.776
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	20.916.133.448	18.898.245.776
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn		8.923.102.939	5.565.286.963
251	1. Đầu tư vào công ty con	14	10.000.000.000	6.500.000.000
254	2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	14	(1.076.897.061)	(934.713.037)
260	V. Tài sản dài hạn khác		8.993.097.436	5.165.999.038
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	8.993.097.436	5.165.999.038
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		912.027.710.719	1.011.285.812.248

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		542.274.481.971	669.155.773.894
310	I. Nợ ngắn hạn		452.346.896.656	596.907.200.574
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15.1	116.565.717.785	148.315.805.420
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15.2	9.620.255.963	15.925.081.380
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	6.369.523.688	3.524.141.242
314	4. Phải trả người lao động	17	31.303.711.638	42.163.179.393
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	12.591.759.922	57.888.096.637
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	18	12.520.480.267	514.410.777
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	19	11.548.373.771	6.096.806.099
320	8. Vay ngắn hạn	20	234.782.640.104	309.402.862.657
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	20	2.400.000.000	2.993.877.120
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	21	14.644.433.518	10.082.939.849
330	II. Nợ dài hạn		89.927.585.315	72.248.573.320
337	1. Phải trả dài hạn khác		1.157.207.743	1.387.004.110
338	2. Vay dài hạn	20	68.507.842.893	54.460.590.835
343	3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	21	20.262.534.679	16.400.978.375
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		369.753.228.748	342.130.038.354
410	I. Vốn chủ sở hữu	22	369.753.228.748	342.130.038.354
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		52.000.000.000	52.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		52.000.000.000	52.000.000.000
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu		5.200.000.000	5.200.000.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		153.105.345.047	128.105.345.047
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		159.447.883.701	156.824.693.307
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước		119.493.195.831	70.673.683.176
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		39.954.687.870	86.151.010.131
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		912.027.710.719	1.011.285.812.248

Nguyễn Thị Tâm
Người lập

Phan Thị Thủy
Giám đốc Ban Kế toán

Hà Linh
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Nam Định, Việt Nam

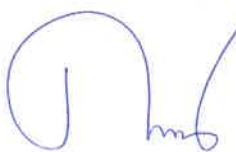
Ngày 10 tháng 5 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	1.004.403.312.075	1.011.077.052.595
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23.1	(13.402.142.681)	(11.451.703.110)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	991.001.169.394	999.625.349.485
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	24	(630.661.188.856)	(597.512.589.702)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		360.339.980.538	402.112.759.783
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23.2	5.721.695.573	5.834.610.416
22	7. Chi phí tài chính	25	(32.023.321.072)	(27.129.786.398)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(30.082.577.483)	(24.515.459.340)
25	8. Chi phí bán hàng	26	(159.960.285.023)	(159.512.943.261)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(126.534.716.256)	(115.869.657.007)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		47.543.353.760	105.434.983.533
31	11. Thu nhập khác	27	3.881.531.271	2.901.376.305
32	12. Chi phí khác		(1.065.395.685)	(280.148.615)
40	13. Lợi nhuận khác		2.816.135.586	2.621.227.690
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		50.359.489.346	108.056.211.223
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	29.1	(10.404.801.476)	(21.905.201.092)
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		39.954.687.870	86.151.010.131


Nguyễn Thị Tâm
Người lập


Phan Thị Thủy
Giám đốc Ban Kế toán


Hà Linh
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Nam Định, Việt Nam

Ngày 10 tháng 5 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023


Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		50.359.489.346	108.056.211.223
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình		31.048.669.862	27.903.304.103
03	Các khoản trích lập dự phòng		14.883.248.926	10.520.854.562
04	Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		1.393.016.505	1.188.626.662
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(5.479.084.091)	(8.195.403.965)
06	Chi phí lãi vay		30.082.577.483	24.515.459.340
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		122.287.918.031	163.989.051.925
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu		(50.625.039.748)	29.479.840.880
10	Giảm/(tăng) hàng tồn kho		113.006.326.448	(132.095.635.645)
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả		(78.011.459.503)	89.227.976.567
12	Tăng chi phí trả trước		(3.606.003.536)	(649.951.864)
14	Tiền lãi vay đã trả		(30.290.107.655)	(24.605.508.953)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	16	(6.804.894.406)	(28.044.701.988)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(252.582.915)	(5.013.123.416)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		65.704.156.716	92.287.947.506
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(41.492.303.487)	(26.567.725.111)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		747.272.727	20.997.665.992
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(19.649.583.287)	(56.605.475.181)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		12.500.000.000	28.090.475.181
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(3.500.000.000)	-
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		4.267.961.439	4.812.001.477
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(47.126.652.608)	(29.273.057.642)

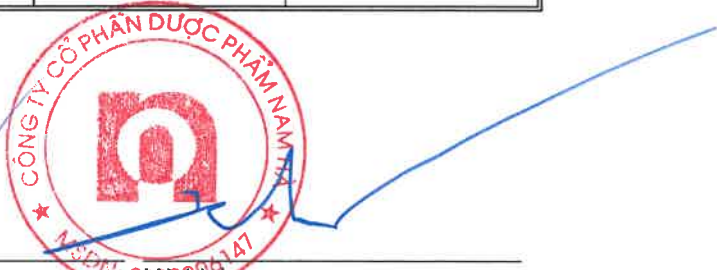
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		699.414.559.455	784.678.276.399
34	Tiền trả nợ gốc vay		(759.987.529.950)	(735.124.627.140)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu		(5.200.000.000)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động tài chính		(65.772.970.495)	49.553.649.259
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(47.195.466.387)	112.568.539.123
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		121.855.432.786	9.291.797.180
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		251.054.086	(4.903.517)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	74.911.020.485	121.855.432.786


Nguyễn Thị Tâm
Người lập


Phan Thị Thủy
Giám đốc Ban Kế toán


Hà Linh
Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Nam Định, Việt Nam

Ngày 10 tháng 5 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dược phẩm Nam Hà (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập từ việc chuyển đổi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 2199/1999/QĐ-UB ngày 29 tháng 12 năm 1999 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Nam Định và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0600206147 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định cấp lần đầu vào ngày 28 tháng 8 năm 2000. Công ty cũng nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 21 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Nam Định cấp ngày 8 tháng 5 năm 2023.

Hoạt động kinh doanh chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu (bao gồm: thuốc tân dược chữa bệnh cho người, thuốc đông dược, các loại thuốc dược phẩm khác, sản xuất vaccin, sinh phẩm y tế, chế phẩm sinh học); bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế (bao gồm: thuốc tân dược chữa bệnh cho người, thuốc đông dược, hóa chất, dược liệu, tinh dầu, vaccin, sinh phẩm, mỹ phẩm, máy móc, trang thiết bị và dụng cụ y tế).

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại số 415 đường Hàn Thuyên, phường Vị Xuyên, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định và 6 chi nhánh hạch toán phụ thuộc tại các tỉnh và thành phố tại Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 629 (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 897).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 6 chi nhánh hạch toán phụ thuộc với thông tin chi tiết như sau (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 6 chi nhánh):

<i>STT</i>	<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính và chi nhánh</i>	<i>Hoạt động chính</i>
1	Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Nam Hà (Chi nhánh Hà Nội)	Số 423 Vũ Tông Phan, phường Khương Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội	Phân phối các sản phẩm thuốc tân dược
2	Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Nam Hà tại Nam Định	Số 415 Hàn Thuyên, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định	Phân phối các sản phẩm thuốc tân dược
3	Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Nam Hà tại Đà Nẵng	Số 208 Hoàng Văn Thái, Phường Hoà Khánh Nam, Quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng	Phân phối các sản phẩm thuốc tân dược
4	Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Nam Hà (Chi nhánh Hồ Chí Minh)	Số 68-70 đường 17B, Khu công nghiệp Tân Bình, phường Hưng Hòa, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh	Phân phối các sản phẩm thuốc tân dược
5	Công ty Cổ phần Dược phẩm Nam Hà – chi nhánh Nghệ An	LK 9-10 Đường số 2 – Khu Đô thị Nam Lê Lợi, phường Lê Lợi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An	Phân phối các sản phẩm thuốc tân dược
6	Công ty Cổ phần Dược phẩm Nam Hà – chi nhánh Cần Thơ	Thửa đất 1920, tờ bản đồ số 7, KDC lô số 8C, thuộc khu đô thị Nam Cần Thơ, phường Hưng Thạnh, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ	Phân phối các sản phẩm thuốc tân dược

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 2 công ty con (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 1 công ty con) với thông tin chi tiết như sau:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Trụ sở chính	Hoạt động chính
1	Công ty TNHH Một thành viên Dược liệu xanh Nam Hà	100%	100%	Lô 2, CN 6, cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, xã Ngọc Hồi, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.	Trồng cây hàng năm (hương liệu, dược liệu, gia vị...), bán buôn dụng cụ y tế, bán lẻ dụng cụ thiết bị thể thao, bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm, hoạt động tư vấn đầu tư.
2	Công ty TNHH Dược liệu Nam Hà Điện Biên	70%	70%	Số nhà 77, khối Trường Xuân, thị trấn Tuần Giáo, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên, Việt Nam.	Trồng cây hàng năm (hương liệu, dược liệu), bán buôn dụng cụ y tế, bán lẻ dụng cụ thiết bị thể thao, bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm, hoạt động tư vấn đầu tư.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng của Công ty

Công ty có Văn phòng tại trụ sở chính và các chi nhánh hạch toán độc lập ("Chi nhánh") như được trình bày tại Thuyết minh số 1.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty và Chi nhánh. Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty và Chi nhánh được lập cùng niên độ với báo cáo tài chính riêng và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Các chỉ tiêu của báo cáo tài chính riêng được thực hiện bằng cách cộng hợp các chỉ tiêu tương ứng của báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty và Chi nhánh.

Các giao dịch và số dư về thu hộ, chi hộ giữa Chi nhánh và Văn phòng Công ty được cân trừ toàn bộ theo từng chỉ tiêu tương ứng trên báo cáo tài chính riêng.

2.2 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 14. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đề ngày 10 tháng 5 năm 2024.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.3 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.4 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.5 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.6 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

T-C
JN
H
/

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối kỳ với giá trị được xác định như sau:

- | | |
|--|--|
| Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ và hàng hóa | - Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - Giá gốc thành phẩm, bán thành phẩm, hàng hóa áp dụng theo phương pháp bình quân gia quyền. |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất lâu dài được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 35 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5 - 10 năm
Phương tiện vận tải	3 - 10 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 10 năm
Tài sản cố định khác	3 năm
Quyền sử dụng đất lâu dài	không phân bổ
Quyền sử dụng đất khác	20 năm
Phần mềm máy tính	3 - 6 năm

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng:

- ▶ Chi phí trả trước về trúng thầu thuê đất;
- ▶ Chi phí bảo hiểm;
- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn; và
- ▶ Chi phí sửa chữa tài sản cố định.

3.9 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 Các khoản dự phòng

Dự phòng chung

Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Khi Công ty cho rằng một phần hoặc toàn bộ chi phí để thanh toán một khoản dự phòng sẽ được hoàn lại, ví dụ như thông qua hợp đồng bảo hiểm, khoản bồi hoàn này chỉ được ghi nhận là một tài sản riêng biệt khi việc nhận được bồi hoàn là gần như chắc chắn. Chi phí liên quan đến các khoản dự phòng được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng sau khi đã trừ đi các khoản bồi hoàn.

Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì giá trị của một khoản dự phòng cần được chiết khấu về giá trị hiện tại sử dụng tỷ lệ chiết khấu là tỷ lệ trước thuế và phản ánh rõ những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khi giá trị của khoản dự phòng được chiết khấu, phần tăng lên theo thời gian của khoản dự phòng được ghi nhận là chi phí tài chính.

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.



CÔNG TY CỔ PHẦN
DƯỢC PHẨM NAM HÀ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích lập để tạo nguồn đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty theo hướng dẫn tại Thông tư số 15/2011/TT-BTC ngày 9 tháng 2 năm 2011 của Bộ Tài chính. Số tiền trích quỹ hàng năm được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt dựa trên kế hoạch chi tiêu cho hoạt động phát triển khoa học và công nghệ hàng năm và không vượt quá 10% thu nhập chịu thuế trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Số tiền trích quỹ được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Số tiền trích quỹ phát triển khoa học và công nghệ được chấp nhận là chi phí được khấu trừ cho mục đích xác định thuế thu nhập doanh nghiệp. Trong thời hạn 5 năm, kể từ năm kế tiếp năm trích lập, nếu Quỹ phát triển khoa học và công nghệ không được sử dụng hoặc sử dụng không hết 70% hoặc sử dụng không đúng mục đích, Công ty sẽ phải nộp Ngân sách Nhà nước phần thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên khoản thu nhập đã trích lập Quỹ mà không được sử dụng hoặc sử dụng không hết 70% hoặc sử dụng không đúng mục đích và phần lãi phát sinh từ số thuế thu nhập doanh nghiệp đó.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo khối lượng công việc đã được khách hàng xác nhận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ (tiếp theo)

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.15 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con và khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty con và khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.16 Thông tin theo bộ phận

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty và các công ty con là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm về sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu. Doanh thu và tài sản liên quan đến các sản phẩm về sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu chiếm tỷ trọng 99% tổng doanh thu trong năm và tài sản tại ngày báo cáo. Bên cạnh đó, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện và tài sản chủ yếu được sử dụng trên lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định rằng Công ty chỉ có một bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	8.615.553.652	3.434.818.447
Tiền gửi ngân hàng	21.295.466.833	68.420.614.339
Các khoản tương đương tiền (*)	45.000.000.000	50.000.000.000
TỔNG CỘNG	<u>74.911.020.485</u>	<u>121.855.432.786</u>

(*) Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 bao gồm các khoản tiền gửi bằng VND có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 2,7%/năm đến 3,4%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 5,6% - 6%/năm).

5. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 3,9%/năm đến 6,8%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 6,3%/năm).

Công ty đã sử dụng một số khoản tiền gửi có kỳ hạn với giá trị 15 tỷ VND làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số 20.

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Công ty Cổ phần Thương mại Dược Nam Hà	47.909.701.021	-
Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hoà Bình	3.778.318.064	2.031.031.639
Bệnh viện Đa khoa tỉnh Phú Thọ	3.536.000.001	3.150.396.400
Công ty TNHH Modern Choice Experts	-	7.980.859.904
Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	166.361.982.528	159.060.612.141
TỔNG CỘNG	<u>221.586.001.614</u>	<u>172.222.900.084</u>
Dự phòng phải thu khó đòi	(2.305.735.398)	(3.204.874.731)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN (tiếp theo)

6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Suzhou Bowa Sunshine	7.446.914.432	-
Công ty TNHH Tập đoàn Shandong Hongjitang Pharmaceutical	5.492.475.300	-
Tập đoàn MettiFDA	3.648.750.000	-
Công ty TNHH Greensol	-	13.305.007.650
Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	6.966.961.939	13.473.482.869
TỔNG CỘNG	23.555.101.671	26.778.490.519

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ông Phan Anh Tuấn (*)	16.000.000.000	16.000.000.000
Ông Nguyễn Quốc Việt	-	10.000.000.000
Phải thu về cho vay bên liên quan (Thuyết minh số 30)	15.000.000	15.000.000
TỔNG CỘNG	16.015.000.000	26.015.000.000

(*) Đây là khoản cho vay tín chấp có thời hạn 12 tháng, đáo hạn ngày 20 tháng 12 năm 2024, hưởng lãi suất 9%/năm.

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhập khẩu ủy thác	3.870.267.500	1.837.946.268
Tạm ứng cho nhân viên	2.141.627.634	535.463.477
Phải thu lãi tiền gửi	1.970.486.626	761.943.287
Phải thu ngắn hạn khác	330.221.450	219.871.125
TỔNG CỘNG	8.312.603.210	3.355.224.157

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. HÀNG TỒN KHO

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Hàng mua đang đi đường	8.632.507.966	-	44.872.016.904	-
Nguyên liệu, vật liệu	57.539.302.191	(5.781.410.208)	52.928.706.877	(4.146.866.281)
Công cụ, dụng cụ	522.577.970	(295.775.370)	985.882.533	(403.056.208)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	11.665.689.590	-	39.359.153.135	-
Thành phẩm	56.247.352.114	(1.961.392.316)	95.500.565.102	(115.446.838)
Hàng hóa	64.923.054.569	(14.489.875.765)	95.689.553.608	(2.228.896.722)
Hàng gửi bán	16.799.067.311	(599.893.745)	-	-
TỔNG CỘNG	216.329.551.711	(23.128.347.404)	329.335.878.159	(6.894.266.049)

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	6.894.266.049	1.886.970.153
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	19.142.867.563	6.452.317.876
Trừ: Sử dụng dự phòng trong năm	(2.908.786.208)	(1.445.021.980)
Số cuối năm	<u>23.128.347.404</u>	<u>6.894.266.049</u>

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ngắn hạn		
Chi phí sửa chữa	895.066.198	-
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	432.068.144	1.718.752.934
Phần mềm	260.909.398	165.243.012
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	334.195.813	259.338.469
TỔNG CỘNG	1.922.239.553	2.143.334.415
Dài hạn		
Chi phí sửa chữa	4.726.385.863	-
Chi phí trả trước về trúng thầu thuê đất	3.331.834.996	3.430.097.200
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	785.524.558	1.639.126.495
Chi phí trả trước dài hạn khác	149.352.019	96.775.343
TỔNG CỘNG	8.993.097.436	5.165.999.038

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Đơn vị tính: VND
Nguyên giá:						
Số đầu năm	262.734.080.600	242.939.801.085	36.539.973.133	18.849.767.600	61.981.818	561.125.604.236
- Mua trong năm	-	23.936.692.843	2.438.400.000	1.169.103.259	-	27.544.196.102
- Xây dựng cơ bản hoàn thành	3.886.773.100	9.716.188.768	-	32.314.815	-	13.635.276.683
- Thanh lý, nhượng bán	-	(76.312.000)	(2.643.940.300)	-	-	(2.720.252.300)
Số cuối năm	266.620.853.700	276.516.370.696	36.334.432.833	20.051.185.674	61.981.818	599.584.824.721
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	24.647.200.029	150.407.727.193	15.875.524.532	15.340.984.873	-	206.271.436.627
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Số đầu năm	86.189.783.362	184.999.457.769	23.191.283.147	16.783.325.969	45.191.916	311.209.042.163
- Khấu hao trong năm	10.156.162.458	14.529.831.179	3.555.740.472	793.573.985	11.923.089	29.047.231.183
- Thanh lý, nhượng bán	-	(76.312.000)	(1.899.246.886)	-	-	(1.975.558.886)
Số cuối năm	96.345.945.820	199.452.976.948	24.847.776.733	17.576.899.954	57.115.005	338.280.714.460
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	176.544.297.238	57.940.343.316	13.348.689.986	2.066.441.631	16.789.902	249.916.562.073
Số cuối năm	170.274.907.880	77.063.393.748	11.486.656.100	2.474.285.720	4.866.813	261.304.110.261

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, một số tài sản cố định hữu hình của Công ty đã được sử dụng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay của Công ty như được trình bày tại Thuyết minh số 20.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Số đầu năm	43.724.185.066	12.707.347.194	56.431.532.260
- Mua trong năm	-	592.776.000	592.776.000
Số cuối năm	<u>43.724.185.066</u>	<u>13.300.123.194</u>	<u>57.024.308.260</u>
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu năm	134.333.388	2.151.626.108	2.285.959.496
- Hao mòn trong năm	8.060.004	3.917.745.787	3.925.805.791
Số cuối năm	<u>142.393.392</u>	<u>6.069.371.895</u>	<u>6.211.765.287</u>
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	<u>43.589.851.678</u>	<u>10.555.721.086</u>	<u>54.145.572.764</u>
Số cuối năm	<u>43.581.791.674</u>	<u>7.230.751.299</u>	<u>50.812.542.973</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, một số quyền sử dụng đất của Công ty đã được sử dụng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay của Công ty như được trình bày tại Thuyết minh số 20.

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Chi phí nâng cấp tài sản	20.585.280.740	15.873.598.821
Xây dựng cơ bản khác	330.852.708	3.024.646.955
TỔNG CỘNG	<u>20.916.133.448</u>	<u>18.898.245.776</u>

Công ty Cổ phần Dược phẩm Nam Hà

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

	Số cuối năm		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND	
	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Dự phòng	Tỷ lệ sở hữu		Giá gốc
Công ty TNHH MTV Dược liệu xanh Nam Hà (*)	100%	6.500.000.000	(1.060.198.996)	100%	6.500.000.000	(934.713.037)
Công ty TNHH Dược liệu Nam Hà Điện Biên (**)	70%	3.500.000.000	(16.698.065)	0%	-	-
TỔNG CỘNG		10.000.000.000	(1.076.897.061)		6.500.000.000	(934.713.037)

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty nắm giữ 100% quyền biểu quyết tương ứng 100% cổ phần tại Công ty TNHH MTV Dược liệu xanh Nam Hà. Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này do cổ phiếu của công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán.

(**) Theo Nghị quyết số 2012/2022/QĐ.HĐQT của Hội đồng Quản trị về việc thành lập Công ty TNHH Dược liệu Nam Hà Điện Biên với tổng vốn điều lệ là 5 tỷ VND. Vào ngày 11 tháng 1 năm 2023, Công ty đã tiến hành góp vốn vào Công ty con với số tiền là 3,5 tỷ VND tương ứng với 70% quyền biểu quyết. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này do cổ phiếu của công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

15.1 Phải trả người bán ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Scigen Pte	53.394.033.108	53.394.033.108	66.559.666.476	66.559.666.476
Công ty Cổ phần Dược phẩm An Nguyên	6.350.744.160	6.350.744.160	578.142.180	578.142.180
Công ty TNHH Sự lựa chọn Vàng	6.133.601.666	6.133.601.666	6.133.448.642	6.133.448.642
Công ty TNHH Cơ nhiệt điện lạnh Bách khoa	910.308.935	910.308.935	6.118.592.510	6.118.592.510
Phải trả cho các đối tượng khác	49.777.029.916	49.777.029.916	68.925.955.612	68.925.955.612
TỔNG CỘNG	116.565.717.785	116.565.717.785	148.315.805.420	148.315.805.420

15.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Sự lựa chọn Vàng	4.973.097.433	4.973.097.433	7.642.304.513	7.642.304.513
Công ty Cổ phần DTS Việt Nam	1.288.750.847	1.288.750.847	5.026.414.568	5.026.414.568
Công ty Cổ phần Dược phẩm Vietlife	1.019.833.600	1.019.833.600	801.715.000	801.715.000
Người mua trả tiền trước khác	2.338.574.083	2.338.574.083	2.454.647.299	2.454.647.299
TỔNG CỘNG	9.620.255.963	9.620.255.963	15.925.081.380	15.925.081.380

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP, PHẢI THU NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	1.734.263.447	25.924.649.600	(26.616.757.293)	1.042.155.754
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.623.894.319	10.404.801.476	(6.804.894.406)	5.223.801.389
Thuế thu nhập cá nhân	165.983.476	7.481.275.951	(7.543.692.882)	103.566.545
Thuế khác	-	1.380.268.523	(1.380.268.523)	-
TỔNG CỘNG	3.524.141.242	45.190.995.550	(42.345.613.104)	6.369.523.688
	Số đầu năm	Số phải thu trong năm	Số đã thu/cán trừ trong năm	Số cuối năm
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	3.286.919.466	56.019.424.701	(57.017.094.663)	2.289.249.504
Thuế thu nhập cá nhân	89.213.246	1.398.492.775	-	1.487.706.021
Thuế khác	546.102	1.414.738.061	(982.082.235)	433.201.928
TỔNG CỘNG	3.376.678.814	58.832.655.537	(57.999.176.898)	4.210.157.453

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí mua chưa nhận được hóa đơn	11.752.008.132	46.699.251.103
Lãi vay	418.063.933	625.594.105
Chi phí khuyến mại, tiếp thị	-	10.313.969.720
Chi phí phải trả khác	421.687.857	249.281.709
TỔNG CỘNG	12.591.759.922	57.888.096.637

18. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Doanh thu từ chương trình khách hàng truyền thống	12.420.480.267	-
Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác	100.000.000	514.410.777
TỔNG CỘNG	12.520.480.267	514.410.777

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Nhập khẩu ủy thác	3.952.716.039	1.853.270.496
Thuế thu nhập cá nhân trích thừa phải trả nhân viên	3.549.274.831	408.964.204
Nhận ký quỹ, ký cược	2.136.448.465	2.089.555.000
Các khoản phải trả khác	1.909.934.436	1.745.016.399
TỔNG CỘNG	<u>11.548.373.771</u>	<u>6.096.806.099</u>

Công ty Cổ phần Dược phẩm Nam Hà

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VAY

Thuyết minh số	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm			Số cuối năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ		
Vay ngắn hạn								
Vay ngân hàng	296.747.732.657	296.747.732.657	665.969.731.807	(747.334.723.950)	215.382.740.514	215.382.740.514		
Vay đối tượng khác	2.324.000	2.324.000	-	-	2.324.000	2.324.000		
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả	12.502.806.000	12.502.806.000	19.397.575.590	(12.502.806.000)	19.397.575.590	19.397.575.590		
Vay dài hạn đối tượng khác đến hạn trả	150.000.000	150.000.000	-	(150.000.000)	-	-		
TỔNG CỘNG	309.402.862.657	309.402.862.657	685.367.307.397	(759.987.529.950)	234.782.640.104	234.782.640.104		
Vay dài hạn								
Vay ngân hàng	54.460.590.835	54.460.590.835	33.444.827.648	(19.397.575.590)	68.507.842.893	68.507.842.893		
TỔNG CỘNG	54.460.590.835	54.460.590.835	33.444.827.648	(19.397.575.590)	68.507.842.893	68.507.842.893		

Công ty Cổ phần Dược phẩm Nam Hà

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VAY (tiếp theo)

20.1 Vay ngắn hạn

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Định	124.560.432.166	Kỳ hạn 6 tháng. Khoản cuối cùng đáo hạn ngày 1 tháng 7 năm 2024. Lãi suất trả hàng tháng.	6% - 6,8%	Nhà cửa, vật kiến trúc tại số 415, Hàn Thuyên, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định. Dây chuyền sản xuất, máy móc thiết bị và hàng tồn kho luân chuyển.
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam	13.951.843.874	Kỳ hạn 3 tháng. Khoản cuối cùng đáo hạn ngày 29 tháng 3 năm 2024. Lãi suất trả hàng tháng.	5,5%	BDS tại địa chỉ Lô GD4-5, cụm CN Ngọc Hồi, xã Liên Ninh, huyện Thanh Trì, TP Hà Nội.
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Lý Thái Tổ	30.873.026.686	Kỳ hạn 6 tháng. Khoản cuối cùng đáo hạn ngày 22 tháng 6 năm 2024. Lãi suất trả hàng tháng.	5,8%	Tin chấp.
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng	45.997.437.788	Kỳ hạn 5 tháng. Khoản cuối cùng đáo hạn ngày 28 tháng 5 năm 2024. Lãi suất trả hàng tháng.	6,3% - 6,6%	23 phương tiện vận tải. Máy móc thiết bị Nhà máy Đông được. Tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu của Công ty tại KCN Hòa Xá, tỉnh Nam Định. Hợp đồng tiền gửi có giá trị 15 tỷ VND.

TỔNG CỘNG

215.382.740.514

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ đối tượng khác được trình bày như sau:

Bên cho vay	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ông Nguyễn Xuân Kiên	2.324.000	Gốc và lãi đáo hạn vào ngày 20 tháng 7 năm 2024.	8,4%	Tin chấp.

TỔNG CỘNG

2.324.000



Công ty Cổ phần Dược phẩm Nam Hà

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VAY (tiếp theo)

20.2 Vay dài hạn

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Định	68.241.813.648	Gốc trả hàng quý đến ngày 14 tháng 1 năm 2030, lãi trả hàng tháng.	7,1% - 10%	Quyền sử dụng đất thửa đất 34a, số 415 Hàn Thuyên, Vị Xuyên, Nam Định và các tài sản gắn liền với đất là: "Xưởng sản xuất thực phẩm bảo vệ sức khỏe" và "Xưởng sản xuất viên sắt". Toàn bộ máy móc thiết bị ("MMTB") thuộc dự án "Đầu tư MMTB cho xưởng viên sắt".
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Định	16.858.604.835	Gốc trả hàng quý đến ngày 30 tháng 6 năm 2028, lãi trả hàng tháng.	8,3% - 9,4%	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại khu dân cư lô số 8C thuộc Khu đô thị Nam Cần Thơ, phường Hưng Thạnh, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ. Công trình xây dựng tại thửa đất 34a, số 415 Hàn Thuyên, Vị Xuyên, Nam Định. Máy móc thiết bị thuộc dự án "Đầu tư MMTB cho dây chuyền sản xuất thực phẩm chức năng GMP" của Công ty. Hàng tồn kho và khoản phải thu hình thành từ nguồn vốn vay.
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hai Bà Trưng	2.805.000.000	Gốc trả hàng quý đến ngày 24 tháng 11 năm 2028. Lãi trả hàng tháng.	7,2% - 8%	2 phương tiện vận tải.

TỔNG CỘNG

87.905.418.483

Trong đó:

Vay dài hạn đến hạn trả

19.397.575.590

Vay dài hạn

68.507.842.893

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI VÀ QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Quỹ khen thưởng, phúc lợi		
Số đầu năm	10.082.939.849	10.096.063.265
Trích quỹ trong năm	5.000.000.000	5.000.000.000
Sử dụng quỹ trong năm	<u>(438.506.331)</u>	<u>(5.013.123.416)</u>
Số cuối năm	<u>14.644.433.518</u>	<u>10.082.939.849</u>
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		
Số đầu năm	16.400.978.375	6.139.422.071
Trích quỹ trong năm	5.600.000.000	12.000.000.000
Sử dụng quỹ trong năm	<u>(1.738.443.696)</u>	<u>(1.738.443.696)</u>
Số cuối năm	<u>20.262.534.679</u>	<u>16.400.978.375</u>

Công ty Cổ phần Dược phẩm Nam Hà

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

22.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
Năm trước					
Số đầu năm	52.000.000.000	5.200.000.000	103.105.345.047	100.673.683.176	260.979.028.223
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	86.151.010.131	86.151.010.131
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(5.000.000.000)	(5.000.000.000)
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	25.000.000.000	(25.000.000.000)	-
Số cuối năm	52.000.000.000	5.200.000.000	128.105.345.047	156.824.693.307	342.130.038.354
Năm nay					
Số đầu năm	52.000.000.000	5.200.000.000	128.105.345.047	156.824.693.307	342.130.038.354
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	39.954.687.870	39.954.687.870
- Trả thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát (*)	-	-	-	(2.131.497.476)	(2.131.497.476)
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(5.000.000.000)	(5.000.000.000)
- Trích quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	25.000.000.000	(25.000.000.000)	-
- Chia cổ tức (*)	-	-	-	(5.200.000.000)	(5.200.000.000)
Số cuối năm	52.000.000.000	5.200.000.000	153.105.345.047	159.447.883.701	369.753.228.748

(*) Theo Nghị quyết số 01/2023/NQ-ĐHCEĐ ngày 29 tháng 4 năm 2023 của Đại hội đồng cổ đông của Công ty, Công ty đã thực hiện chi trả thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát từ lợi nhuận năm 2022 với số tiền là 2.131.497.476 VND, tương ứng với 4,7% lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch. Cũng theo Nghị quyết này, Công ty tiến hành trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2022 với số tiền là 5.000.000.000 VND và trích quỹ đầu tư phát triển với số tiền là 25.000.000.000 VND. Đồng thời, Đại hội đồng Cổ đông Công ty cũng thông qua việc chi trả cổ tức bằng tiền với số tiền là 5.200.000.000 VND từ lợi nhuận sau thuế năm 2022 của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

22.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Tổng số	Cổ phiếu thường
Vốn góp của cổ đông	52.000.000.000	52.000.000.000	52.000.000.000	52.000.000.000
TỔNG CỘNG	52.000.000.000	52.000.000.000	52.000.000.000	52.000.000.000

22.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu		
Số đầu năm	52.000.000.000	52.000.000.000
Số cuối năm	52.000.000.000	52.000.000.000
Cổ tức đã chia	5.200.000.000	-

22.4 Cổ tức

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Cổ tức đã công bố và đã trả trong năm		
Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông		
Cổ tức trả bằng tiền cho năm 2022	5.200.000.000	-

22.5 Cổ phiếu

	Số lượng	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu đăng ký phát hành	5.200.000	5.200.000
Cổ phiếu phổ thông	5.200.000	5.200.000
Cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.200.000	5.200.000
Cổ phiếu phổ thông	5.200.000	5.200.000
Cổ phiếu đang lưu hành	5.200.000	5.200.000
Cổ phiếu phổ thông	5.200.000	5.200.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành tại 31 tháng 12 năm 2023: 10.000 VND/cổ phiếu (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 10.000 VND/cổ phiếu).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. DOANH THU

23.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng doanh thu	1.004.403.312.075	1.011.077.052.595
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm</i>	999.898.509.597	1.005.386.314.839
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	3.826.194.240	4.903.864.269
<i>Doanh thu khác</i>	678.608.238	786.873.487
Các khoản giảm trừ doanh thu	(13.402.142.681)	(11.451.703.110)
<i>Chiết khấu thương mại</i>	(12.420.480.267)	(10.474.517.758)
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	(981.662.414)	(977.185.352)
Doanh thu thuần	991.001.169.394	999.625.349.485
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm</i>	986.496.366.916	993.934.611.729
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	3.826.194.240	4.903.864.269
<i>Doanh thu khác</i>	678.608.238	786.873.487

23.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi tiền gửi, cho vay	5.476.504.778	5.573.944.764
Doanh thu tài chính khác	245.190.795	260.665.652
TỔNG CỘNG	5.721.695.573	5.834.610.416

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm	612.527.726.805	590.192.947.580
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.492.215.753	1.851.462.160
Giá vốn khác	407.164.943	460.884.066
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	16.234.081.355	5.007.295.896
TỔNG CỘNG	630.661.188.856	597.512.589.702

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí lãi vay	30.082.577.483	24.515.459.340
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.695.466.734	2.210.158.739
Chi phí tài chính khác	245.276.855	404.168.319
TỔNG CỘNG	<u>32.023.321.072</u>	<u>27.129.786.398</u>

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân công	80.949.908.818	104.013.722.960
Chi phí dịch vụ mua ngoài	30.404.567.252	24.047.047.782
Chi phí khấu hao	6.663.597.753	5.574.061.434
Chi phí đồ dùng văn phòng	3.961.037.494	4.058.812.709
Chi phí bán hàng khác	37.981.173.706	21.819.298.376
TỔNG CỘNG	<u>159.960.285.023</u>	<u>159.512.943.261</u>
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân công	78.289.480.309	63.737.939.639
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.875.423.488	15.402.551.725
Chi phí khấu hao	12.783.388.478	11.866.925.692
Trích lập dự phòng	5.229.805.544	17.319.563.447
Chi phí đồ dùng văn phòng	4.373.113.893	5.815.746.349
Chi phí bằng tiền khác	1.983.504.544	1.726.930.155
TỔNG CỘNG	<u>126.534.716.256</u>	<u>115.869.657.007</u>

27. THU NHẬP KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tài trợ, hỗ trợ	2.382.602.704	-
Xử lý công nợ tồn đọng	1.348.779.909	-
Lãi từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và công cụ, dụng cụ	3.579.313	2.621.459.202
Thu nhập khác	146.569.345	279.917.103
TỔNG CỘNG	<u>3.881.531.271</u>	<u>2.901.376.305</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nguyên vật liệu	295.634.781.183	461.408.246.870
Chi phí nhân công	200.812.207.665	212.029.194.219
Chi phí khấu hao và hao mòn	31.048.669.862	27.903.304.103
Chi phí dự phòng	14.883.248.926	10.520.854.562
Chi phí dịch vụ mua ngoài	64.985.049.431	61.017.242.565
Chi phí khác	54.960.659.601	43.784.138.288
TỔNG CỘNG	<u>662.324.616.668</u>	<u>816.662.980.607</u>

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

29.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	10.234.141.389	21.894.695.228
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp trích thiếu trong năm trước	170.660.087	10.505.864
TỔNG CỘNG	<u>10.404.801.476</u>	<u>21.905.201.092</u>

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50.359.489.346	108.056.211.223
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	10.071.897.869	21.611.242.245
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được khấu trừ khác	162.243.520	283.452.983
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp trích thiếu trong những năm trước	170.660.087	10.505.864
Chi phí thuế TNDN	<u>10.404.801.476</u>	<u>21.905.201.092</u>

29.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty Cổ phần Tập đoàn R&H	Cổ đông lớn
Ông Nguyễn Hồ Nam	Cổ đông lớn
Bà Phạm Thị Hạnh	Cổ đông lớn
Ông Nguyễn Việt Phương	Cổ đông lớn
Công ty TNHH MTV Dược liệu xanh Nam Hà	Công ty con
Công ty TNHH Dược liệu Nam Hà Điện	Công ty con

Các cá nhân là thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc đã được trình bày tại mục Thông tin chung.

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Đơn vị tính: VND

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty TNHH Dược liệu Nam Hà Điện Biên	Công ty con	Góp vốn	3.500.000.000	-
Công ty TNHH MTV Dược liệu xanh Nam Hà	Công ty con	Cho vay	-	105.475.481
		Mua hàng hóa	-	1.605.048.700

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan:

Các nghiệp vụ bán hàng, mua hàng và cho vay với các bên liên quan được thực hiện theo mức giá và các điều khoản niêm yết thông thường trên thị trường.

Ngoại trừ khoản cho vay có lãi, số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty (ngày 31 tháng 12 năm 2022: mức trích lập dự phòng bằng không). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<i>Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh số 7)</i>				
Công ty TNHH MTV Dược liệu xanh Nam Hà	Công ty con	Phải thu về cho vay ngắn hạn	15.000.000	15.000.000
TỔNG CỘNG			15.000.000	15.000.000

Công ty Cổ phần Dược phẩm Nam Hà

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thù lao của các thành viên thuộc Hội đồng Quản trị (" HĐQT"), Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát của Công ty trong năm như sau:

Tên	Chức vụ	Đơn vị tính: VND	
		Thu nhập (*)	Năm trước
Ông Hà Linh	Chủ tịch HĐQT	207.772.172	380.386.255
Bà Phạm Thị Hạnh	Thành viên HĐQT	892.159.849	-
Bà Đinh Thị Khánh Ly	Thành viên HĐQT	207.772.172	-
Ông Nguyễn Đức Trường	Thành viên HĐQT	108.000.000	-
Ông Hà Thanh Thủy	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	207.772.172	-
Ông Nguyễn Trung Kiên	Thành viên HĐQT	94.000.000	-
Ông Dương Thanh Bình	Chủ tịch HĐQT	-	211.301.362
Ông Nguyễn Thanh Dương	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	-	155.447.963
Ông Dương Thùy Biên	Phó Tổng Giám đốc	-	205.856.596
Ông Nguyễn Tom Thanh	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	-	1.003.257.274
Bà Nguyễn Thị Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc	-	211.779.375
Ông Tạ Văn Dũng	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	-	205.990.000
Ông Đoàn Hải Đăng	Thành viên HĐQT	-	148.366.900
Ông Nguyễn Đức Thuận	Thành viên HĐQT	-	142.990.197
Ông Nguyễn Cao Toàn	Phó Tổng Giám đốc	-	123.308.586
Ông Trần Minh Tài	Phó Tổng Giám đốc	-	850.724.800
Ông Phan Văn Phú	Phó Tổng Giám đốc	-	683.399.800
Bà Mai Thủy Hằng	Phó Tổng Giám đốc	-	103.151.918
Ông Bùi Hữu Việt	Phó Tổng Giám đốc	-	116.099.827
Ông Cán Khúc Nghiên	Phó Tổng Giám đốc	-	107.080.678
TỔNG CỘNG		1.717.476.365	4.649.131.531

(*) Thu nhập bao gồm tiền lương, thù lao, tiền thưởng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tiền lương của Ban kiểm soát:

	Đơn vị tính: VND	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát	237.600.000	226.716.500

31. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê tài sản theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:


	Đơn vị tính: VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Dưới 1 năm	1.268.941.000	1.268.941.000
Từ 1 - 5 năm	5.072.771.917	5.075.764.000
Trên 5 năm	<u>21.629.949.250</u>	<u>22.903.657.667</u>
TỔNG CỘNG	<u>27.971.662.167</u>	<u>29.248.362.667</u>


32. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN


	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	83.711,36	1.080,39
- Đồng EURO (EUR)	238,08	238,03

33. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.


 Nguyễn Thị Tâm
 Người lập


 Phan Thị Thủy
 Giám đốc Ban Kế toán


 Hà Linh
 Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Nam Định, Việt Nam

Ngày 10 tháng 5 năm 2024